

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-9-2020

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hánh

Ông Nguyễn Đăng Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Cương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du: Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 194/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng H, sinh năm 1988 (Có mặt).

Bị đơn: Anh Ngô Quang H, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Hồng H trình bày:

Chị kết hôn với anh Ngô Quang H, sinh năm 1979 và có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2012 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau.

Quá trình chung sống chị phát hiện anh H nghiện ngập và đã hai lần bị bắt và bị xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau mỗi lần đi trại trở về anh H thường xuyên ghen tuông vô cớ và nhiều lần làm phiền đến bạn bè, đồng nghiệp của chị. Tháng 11 năm 2019 chị đã về nhà mẹ đẻ ở và hai vợ chồng sống ly thân

từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Ngô Quang H, sinh ngày 10/12/2013. Hiện nay cháu H đang ở với chị. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Ngô Quang H trình bày: Anh nhất trí với chị H về điều kiện kết hôn nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Do anh phải đi chấp hành án ở Trại Thanh Phong 20 tháng, trong thời gian ở trại chị H vẫn chu cấp cho anh. Khi anh chấp hành án về ngày 16/11/2019 chị H có ra đón anh ở đường cao tốc. Hôm sau thì chị H bỏ đi anh có hỏi lý do nhưng chị H không nói. Ngày 10/12/2019 khi sinh nhật con trai chị H có về anh có hỏi chuyện thì chị H bảo phải đi trả nợ ân tình người ta một năm thì về. Anh cũng mấy lần tìm gặp chị H nhưng không gặp và anh có đến công ty tìm chị H thì chị H lại vu cho anh quấy rối. Anh có viết thư gửi cho gia đình chị H nhưng chị H không về. Anh xét thấy vợ chồng không có mâu thuẫn nên chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Vợ chồng có một con chung là cháu Ngô Quang H, sinh ngày 10/12/2013. Nếu ly hôn cháu ở với ai cũng được nhưng phải giữ nguyên hộ khẩu ở nhà anh.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Hồng H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Ngô Quang H và đề nghị được nuôi dưỡng cháu H.

Anh Ngô Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dựa trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ và tranh luận, đối đáp của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Quang H, sinh ngày 10/12/2013 cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc;

Việc cấp dưỡng nuôi con không đề cập giải quyết; Anh H được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” do nguyên đơn chị Trần Thị Hồng H khởi kiện đối với bị đơn anh Ngô Quang H ở thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H có mặt. Bị đơn anh Ngô Quang H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Hồng H kết hôn với anh Ngô Quang H ngày 07/5/2012 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Quang H. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị H là do anh H là người nghiện ma túy trong thời gian chung sống từ năm 2012 đến khi vợ chồng ly thân thì anh H bị kết án hai lần. Mặt khác, do tác hại của ma túy anh H thường xuyên bị ảo giác có lần đã đánh chị H và đe dọa chị H. Từ tháng 11/2019 đến nay chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhưng anh H cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình xét thấy cần chấp nhận đơn ly hôn của chị H xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh H, chị H có con chung là cháu Ngô Quang H, sinh ngày 10/12/2013. Chị H có nguyện vọng nuôi cháu H và anh H cũng đồng ý ai nuôi cháu H cũng được. Xét hoàn cảnh anh H là người chưa có việc làm ổn định và đã từng sử dụng ma túy; đối với chị H công việc ổn định nên giao cháu Huy cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H, anh H được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

[4].Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Chị Trần Thị Hồng H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về phí, lệ phí. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Hồng H được ly hôn anh Ngô Quang H.

- *Về con chung*: Giao cháu Ngô Quang H , sinh ngày 10/12/2013 cho chị Trần Thị Hồng H chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000232 ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Xuân Phong